

Bản án số: 38/2022/HSST
ngày 28/9/2022

NHÂN DANH
NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Sỹ H;
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn C.
2. Bà Hà Thị H.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị A — Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn N — Kiểm sát viên;

Ngày 28 tháng 9 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 35/2022/HSST, ngày 19 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST - HS ngày 14/9/2022. Đối với bị cáo:

1. **Vi Ngọc T** — sinh năm 1973; tại: xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Trú tại: thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 8/10; Con ông: Vi Đình X(đã chết) và bà Lò Thị Th(đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con.

Trước khi phạm tội là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 19 – QĐ/UBKTHU, ngày 17/11/2021 của UBKT Huyện ủy huyện Thường Xuân.

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2021 đến ngày 26/01/2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị can đang tại ngoại tại địa phương (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyên đơn dân sự:

2.1 UBND huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành L; Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1976; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện(vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố X, Thị trấn TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Theo văn bản ủy quyền số: 2364/GUQ – UBND, ngày 13/9/2022 của Chủ tịch UBND huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

3.Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 UBND xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cầm Thanh X, sinh năm 1970; chức vụ: Chủ tịch UBND xã TT, huyện TX(vắng mặt).

Địa chỉ: Xã LK, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

3.2 Ông Lê Đình S, sinh năm 1977(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn LT, xã LT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

3.3 Ông Lò Văn H, sinh năm 1972(vắng mặt).

3.4 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975(có mặt).

3.5 Ông Lương Văn Q, sinh năm 1984(vắng mặt).

3.6 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt).

3.7 Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978(vắng mặt).

3.8 Ông Hà Văn A, sinh năm 1956(vắng mặt).

3.9 Ông Lương Ngọc T, sinh năm 1951(vắng mặt).

3.10 Ông Vi Văn Kh, sinh năm 1962(vắng mặt).

3.11 Bà Lương Thị H, sinh năm 1977(vắng mặt).

3.12 Ông Lương Văn T, sinh năm 1959(vắng mặt).

3.13 Ông Lò Văn H, sinh năm 1968(vắng mặt).

3.14 Ông Lang Văn H, sinh năm 1972(vắng mặt).

3.15 Ông Lang Văn Kh, sinh năm 1959(vắng mặt).

3.16 Ông Hà Như T, sinh năm 1961(vắng mặt).

3.17 Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1972(vắng mặt).

3.18 Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1975(vắng mặt).

3.19 Chị Lương Thị H, sinh năm 1974(vắng mặt).

3.20 Ông Hà Văn T, sinh năm 1966(vắng mặt).

3.21 Chị Vi Thị Th, sinh năm 1988 (vắng mặt).

3.22 Anh Lương Văn H, sinh năm 1972(vắng mặt).

3.23 Chị Lang Thị T, sinh năm 1972(vắng mặt).

3.24 Ông Vi Văn H, sinh năm 1965(vắng mặt).

3.25 Anh Vi Văn H, sinh năm 1977(vắng mặt).

3.26 Ông Bùi Văn Ng, sinh năm 1955(vắng mặt) .

3.27 Chị Lương Thị Ng, sinh năm 1986(có mặt).

3.28 Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1986(vắng mặt).

3.29 Anh Lê Hữu T, sinh năm 1983(vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

4.Người làm chứng: Anh Hoàng Thanh T, sinh năm 1980(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/8/2018 Vi Ngọc T được bầu làm trưởng Thôn TT, xã TT, Ngày 10/8/2018 Chủ tịch UBND xã TT đã ra Quyết định về việc phê chuẩn kết quả bầu trưởng Thôn TT, xã TT nhiệm kỳ 2018 – 2021 đối với Vi Ngọc T.

Thực hiện Quyết định số 985/QĐ-TTg, ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lương thực cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 03/8/2016, UBND huyện TX ban hành Phương án số 1187/PA-UBND - Phương án hỗ trợ gạo cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số tự nguyện tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng huyện TX. Ngày 10/8/2016 UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 2984/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện TX tự nguyện trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trong thời gian chưa đảm bảo được lương thực, giai đoạn 2016 - 2020. Đối tượng áp dụng là các hộ gia đình thuộc dân tộc thiểu số đang cư trú hợp pháp trên địa bàn huyện TX tham gia trồng rừng (trồng rừng trên diện tích đất chưa có rừng, diện tích tham gia các dự án hỗ trợ nhưng chưa được cấp gạo), chăm sóc, bảo vệ rừng (các hộ chưa được hưởng chế độ theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và các hộ chưa được hưởng chế độ cấp gạo vùng biên giới). Thời gian hỗ trợ là bắt đầu từ khi trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng đến khi có thu nhập thay thế. Thời gian cụ thể là 5 năm bắt đầu từ năm 2016 theo Quyết định số 985/QĐ- TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Sau khi được phê duyệt vào tháng 8/2016, UBND huyện TX tổ chức triển khai, thực hiện chế độ chính sách nêu trên. Trong đó xã TT, huyện TX là một trong những đơn vị được thụ hưởng chính sách hỗ trợ gạo. Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện, vào cuối năm 2016, UBND xã TT do ông Lương Văn C, sinh năm 1969, trú tại thôn TN, xã TT là Chủ tịch UBND xã (nhiệm kỳ từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2017) đã chủ trì tổ chức họp triển khai đến các Trưởng thôn để thực hiện chế độ chính sách trên, đồng thời giao nhiệm vụ cho các Trưởng thôn phối hợp với Cán bộ địa chính xã chủ động rà soát các hộ dân thuộc diện được hưởng trợ cấp.

Theo quy định hàng quý và cuối năm, Trưởng thôn phối hợp với cán bộ địa chính xã rà soát, thanh loại, bổ sung danh sách các hộ dân thuộc diện được hưởng chế độ, chính sách trên. Quá trình rà soát, các hộ dân phải cung cấp Sổ hộ khẩu, Sổ giao đất lâm nghiệp để chuyển đến UBND xã để kiểm tra, sau đó trả lại cho các hộ dân và tiến hành kiểm tra thực địa nơi có đất rừng.

Từ tháng 6 năm 2017 đến nay, ông Cầm Thanh X, sinh năm 1970, trú tại thôn AN, xã LK, huyện TX là Chủ tịch UBND xã TT, huyện TX đã tiếp tục tổ chức triển khai, thực hiện chế độ chính sách trên. Quá trình thực hiện ông X giao cho cán bộ địa chính xã phối hợp với Ban quản lý thôn, đại diện là các Trưởng thôn để triển khai thực hiện theo quy định. Sau khi nhận gạo trợ cấp từ Chi cục dự trữ Nhà nước Ngọc Lặc thuộc Cục dự trữ nhà nước khu vực Thanh Hoá, UBND xã TT giao cho Cán bộ địa chính xã (phụ trách lâm nghiệp) bàn giao gạo cho các Trưởng thôn để quản lý và cấp phát cho các hộ dân thuộc diện được nhận trợ cấp trong thôn.

Năm 2020, thôn TT, xã TT, huyện TX là địa phương thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ gạo cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 985/QĐ-TTg, ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Thời điểm này, Vi Ngọc T, sinh

năm 1973, trú tại thôn TT, xã TT, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá với vai trò là Bí thư chi bộ - Trưởng thôn TT, xã TT, nhiệm kỳ từ tháng 7 năm 2016 và được bầu, bổ nhiệm lại chức vụ trên đến tháng 7 năm 2021 đã tổ chức họp thôn để thông báo nội dung chính sách của Nhà nước. Trên cơ sở các hộ dân trong thôn đăng ký hưởng chế độ chính sách, Vi Ngọc T cùng cán bộ địa chính xã TT là ông Lê Đình S, sinh năm 1977, trú tại thôn LT, xã LT tiến hành rà soát, lập danh sách các hộ dân đủ điều kiện hưởng trợ cấp gửi lên UBND xã tổng hợp sau đó trình UBND huyện TX phê duyệt.

Căn cứ danh sách do UBND huyện TX phê duyệt, trong năm 2020, thôn TT, xã TT, huyện TX có tổng số 48 hộ dân thuộc diện được Nhà nước hỗ trợ gạo, khối lượng gạo được cấp trên cơ sở rà soát, thay đổi, bổ sung danh sách các hộ dân theo từng quý. Sau khi nhận gạo trợ cấp, UBND xã TT do ông Lê Đình S là cán bộ địa chính xã đã bàn giao cho Vi Ngọc T tổng số 14.697 kg gạo, được chia làm 04 đợt (04 quý) để quản lý và cấp phát cho các hộ dân nhận và ký tên vào danh sách rồi chuyển toàn bộ danh sách lại cho UBND xã TT kiểm tra và theo dõi.

Sau khi được giao quản lý, cấp phát số gạo nêu trên, do nhận thấy không có sự kiểm tra, giám sát kỹ lưỡng của cấp uỷ, chính quyền xã, Vi Ngọc T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt một phần gạo trợ cấp để làm của riêng.

Để thực hiện ý định của mình, Vi Ngọc T đã không thông báo rộng rãi trên loa phát thanh của thôn mà đến tận nhà thông báo trực tiếp hoặc gọi điện thoại cho một số hộ dân có tên trong danh sách đến nhận gạo, còn lại một số hộ dân không được Vi Ngọc T thông báo. Ngoài ra Vi Ngọc T cũng không thông báo và không mời ban quản lý thôn tham gia vào việc cấp phát gạo cho các hộ dân để tránh bị phát hiện việc chiếm đoạt gạo trợ cấp. Khi cấp phát gạo Vi Ngọc T một mình trực tiếp thực hiện, tuy nhiên, vào một vài thời điểm do Vi Ngọc T bận việc nên đã nhờ bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (là vợ của Vi Ngọc T) tham gia phát gạo cho dân. Bằng cách làm như trên, trong 04 quý của năm 2020, Vi Ngọc T đã 04 lần chiếm đoạt gạo trợ cấp với tổng khối lượng là 4.778kg, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất:

Ngày 08/5/2020, ông Lê Đình S bàn giao 3.663 kg gạo trợ cấp quý I/2020 cho Vi Ngọc T để cấp phát cho 39 hộ dân trong thôn. T nhận gạo từ xe của đơn vị cung ứng chở về đến tận nhà và bốc xếp cất vào kho hàng của gia đình. Khi tiến hành cấp phát gạo, Vi Ngọc T đã không thông báo và không cấp phát gạo cho 11 hộ dân gồm:

- Hộ Lương Văn Q không phát 60kg.
- Hộ Lương Ngọc T không phát 53kg.
- Hộ Nguyễn Văn T không phát 53kg.
- Hộ Vi Văn Kh không phát 120kg.
- Hộ Hà Văn A không phát 123kg.
- Hộ Lương Thị H không phát 90kg.
- Hộ Lương Văn Ch không phát 90kg.
- Hộ Hoàng Văn N không phát 150kg.
- Hộ Bùi Văn Q không phát 140kg
- Hộ Bùi Văn Ng không phát 120kg
- Hộ Hà Như T không phát 88kg.

Ngoài ra, quá trình rà soát danh sách đề cấp gạo, Vi Ngọc T phát hiện có hai hộ dân là hộ Lương Văn T và Lò Văn H bị trùng tên trong danh sách, nhưng T đã không báo cáo lại với UBND xã TT đề đưa ra khỏi danh sách mà chiếm đoạt toàn bộ khối lượng gạo mà hai hộ này được hưởng, cụ thể:

- Hộ Lương Văn T là 88kg,

- Hộ Lò Văn H là 60kg.

Tổng số gạo trợ cấp trong quý I/2020, Vi Ngọc T đã chiếm đoạt là 1.235kg.

-Lần thứ hai:

Ngày 07/7/2020, Vi Ngọc T nhận bàn giao 3.678kg gạo trợ cấp quý II/2020 để cấp phát cho 39 hộ dân trong thôn. Quá trình cấp phát gạo, T chỉ phát cho 25 hộ dân, còn lại đã chiếm đoạt của 12 hộ dân không phát hoặc phát thiếu và 02 hộ dân bị trùng tên trong danh sách với tổng số gạo là 1.175kg, cụ thể:

- Hộ Lương Văn Q không phát 60kg.

- Hộ Lương Ngọc T không phát 53kg.

- Hộ Vi Văn Kh không phát 120kg.

- Hộ Hà Văn Á không phát 123kg.

- Hộ Lương Thị H không phát 90kg.

- Hộ Lương Văn Ch không phát 90kg.

- Hộ Hoàng Văn N không phát 150kg.

- Hộ Bùi Văn Q không phát 140kg.

- Hộ Lương Văn T không phát 88kg.

- Hộ Lang Thị T không phát 30kg.

- Hộ Vi Văn H không phát 53kg.

- Hộ Lò Văn Th phát thiếu 30kg.

- 02 hộ bị trùng tên trong danh sách là Lương Văn T là 88kg, hộ Lò Văn H là 60kg.

- Lần thứ ba:

Ngày 07/10/2020, Vi Ngọc T nhận bàn giao 3.678kg gạo trợ cấp quý III/2020. Quá trình cấp phát gạo, Vi Ngọc T đã chiếm đoạt của 14 hộ dân không phát hoặc phát thiếu và 02 hộ dân bị trùng tên trong danh sách với tổng số gạo là 1.236kg, cụ thể:

- Hộ Lương Văn Q không phát 60kg.

- Hộ Lương Ngọc T không phát 53kg.

- Hộ Vi Văn Kh không phát 120kg.

- Hộ Hà Văn Á không phát 123kg.

- Hộ Lương Thị H không phát 90kg.

- Hộ Lương Văn Ch không phát 90kg.

- Hộ Lang Văn Kh không phát 88kg.

- Hộ Lương Văn T không phát 88kg.

- Hộ Hà Văn T không phát 88kg.

- Hộ Lò Văn H không phát 88kg.

- Hộ Lương Thị H không phát 90kg.

- Hộ Lò Văn Th phát thiếu 20kg.

- Hộ Hoàng Văn N phát thiếu 50kg.
- Hộ Bùi Văn Q phát thiếu 40kg.
- 02 hộ bị trùng tên trong danh sách là Lương Văn T là 88kg, hộ Lò Văn H là 60kg.

- Lần thứ tư:

Ngày 22/12/2020, Vi Ngọc T nhận bàn giao 3.678kg gạo trợ cấp quý IV/2020 để cấp phát cho 39 hộ dân trong thôn. Quá trình cấp phát gạo, Vi Ngọc T chỉ phát cho 24 hộ dân, còn lại đã không phát hoặc phát thiếu đối với 14 hộ dân để chiếm đoạt khối lượng gạo như sau:

- Hộ Lương Văn Q không phát 60kg.
- Hộ Lương Ngọc T không phát 53kg.
- Hộ Vi Văn Kh không phát 120kg.
- Hộ Hà Văn Á không phát 123kg.
- Hộ Lương Thị H không phát 90kg.
- Hộ Lương Văn Ch không phát 90kg.
- Hộ Lương Văn T không phát 88kg gạo.
- Hộ Lang Văn H không phát 88kg gạo.
- Hộ Lương Thị H không phát 90kg gạo.
- Hộ Vi Văn H không phát 60kg gạo.
- Hộ Hoàng Văn N phát thiếu 100kg gạo.
- Hộ Bùi Văn Q phát thiếu 40kg gạo.
- Hộ Lò Văn Th phát thiếu 20kg gạo.
- Hộ Lương Văn H phát thiếu 50kg gạo.

Ngoài ra, trong danh sách phát gạo quý IV năm 2020, một hộ dân bị trùng tên trong danh sách từ các quý trước là hộ Lương Văn T đã được phát hiện đưa ra khỏi danh sách, nên Vi Ngọc T chỉ chiếm đoạt được khối lượng gạo của 01 hộ bị trùng tên là hộ Lò Văn H với khối lượng là 60kg gạo.

Tổng khối lượng gạo Vi Ngọc T đã chiếm đoạt trong quý IV năm 2020 là 1.132kg.

Như vậy, trong năm 2020, Vi Ngọc T đã không phát gạo cho 07 hộ dân; phát thiếu hoặc không phát trong một số quý nhất định cho 15 hộ dân và chiếm đoạt gạo của 02 hộ dân trùng tên trong danh sách. Tổng khối lượng gạo mà Vi Ngọc T chiếm đoạt là 4.778kg.

Ngày 09/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân ban hành yêu cầu định giá số 30/CSĐT yêu cầu Hội đồng định giá tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân xác định giá trị tổng số gạo trợ cấp Nhà nước hỗ trợ cho các hộ dân tộc thiểu số tự nguyện trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng thôn TT, xã TT năm 2020.

Theo Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân:

- Tổng giá trị của 14.697kg (Mười bốn nghìn, sáu trăm chín mươi bảy kilogram) gạo là: 148.140.673 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu, một trăm bốn mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- + Giá trị 3.663kg gạo quý I/2020 là: 33.499.967 đồng.

- + Giá trị 3.678kg gạo quý II/2020 là: 33.598.330 đồng.
- + Giá trị 3.678kg gạo quý III/2020 là: 40.546.088 đồng.
- + Giá trị 3.678kg gạo quý IV/2020 là: 40.546.088 đồng.

Ngày 10/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân ban hành yêu cầu định giá tài sản số 31/CSĐT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân xác định giá trị số gạo trợ cấp Vi Ngọc T đã không phát cho 07 hộ dân thôn TT, xã TT năm 2020.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 11/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận:

- Tổng giá trị của 2.197kg gạo là: 22.092.694 đồng. Trong đó:
- + Giá trị 589kg gạo quý I/2020 là: 5.378.660 đồng;
- + Giá trị 536kg gạo quý II/2020 là: 4.896.360 đồng;
- + Giá trị 536kg gạo quý III/2020 là: 5.908.837 đồng;
- + Giá trị 536kg gạo quý IV/2020 là: 5.908.837 đồng.

Ngày 19/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân ban hành yêu cầu định giá tài sản số 20/YC-CSĐT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân xác định giá trị số gạo trợ cấp Vi Ngọc T đã phát thiếu cho 15 hộ dân thôn TT, xã TT năm 2020 và giá trị gạo trợ cấp của nhà nước đối với 02 hộ dân bị trùng tên trong danh sách nhưng không có trên thực tế.

Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 26/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân xác định:

- Giá trị gạo trợ cấp của nhà nước cho 15 hộ dân thôn TT, xã TT, huyện TX tự nguyện trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng năm 2020 bị phát thiếu gạo, có tổng trọng lượng là: 2.077kg (Hai nghìn không trăm bảy mươi bảy kilogam) là: 21.027.003 đồng (Hai mươi một triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm lẻ ba đồng). Trong đó gồm có:

- + Giá trị gạo trợ cấp quý I/2020 là 498kg là: 4.547.661 đồng.
- + Giá trị gạo trợ cấp quý II/2020 là 491kg là: 4.485.285 đồng.
- + Giá trị gạo trợ cấp quý III/2020 là 552kg là: 6.085.220 đồng.
- + Giá trị gạo trợ cấp quý IV/2020 là 536kg là: 5.908.837 đồng.

- Giá trị gạo trợ cấp của nhà nước đối với 02 hộ dân thôn TT, xã TT, huyện TX có tên trong danh sách nhưng không có trên thực tế, có tổng trọng lượng: 504kg (Năm trăm lẻ bốn kilogam) là: 4.996.476 đồng (Bốn triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi sáu đồng). Trong đó gồm có:

Giá trị gạo quý I/2020 là: 1.351.514 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, năm trăm mười bốn đồng), bao gồm:

- + Giá trị gạo cấp cho hộ Lò Văn H là 60kg là: 547.911 đồng.
- + Giá trị gạo cấp cho hộ Lương Văn T là 88kg là: 803.603 đồng.

Giá trị gạo quý II/2020 là: 1.351.980 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, chín trăm tám mươi đồng), bao gồm:

- + Giá trị gạo cấp cho hộ Lò Văn H là 60kg là: 548.100 đồng.
- + Giá trị gạo cấp cho hộ Lương Văn T là 88kg là: 803.880 đồng.

Giá trị gạo quý III/2020 là: 1.631.545 đồng (Một triệu, sáu trăm ba mươi một nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng), bao gồm:

+ Giá trị gạo cấp cho hộ Lò Văn H là 60kg là: 661.437 đồng.

+ Giá trị gạo cấp cho hộ Lương Văn T là 88kg là: 970.108 đồng.

Giá trị gạo quý IV/2020 là: 661.437 đồng (Sáu trăm sáu mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi bảy đồng), bao gồm:

+ Giá trị gạo cấp cho hộ Lò Văn H là 60kg là: 661.437 đồng.

Như vậy, trong năm 2020 Vi Ngọc T đã chiếm đoạt 4.778kg gạo trị giá 48.116.173 đồng, giá trị từng lần chiếm đoạt như sau:

- Lần 1 (Quý I) là 1.235kg, trị giá 11.277.835 đồng;

- Lần 2 (Quý II) là 1.175kg, trị giá 10.733.625 đồng;

- Lần 3 (Quý III) là 1.236kg, trị giá 13.625.602 đồng;

- Lần 4 (Quý IV) là 1.132kg, trị giá 12.479.111 đồng;

Sau khi chiếm đoạt gạo trợ cấp, Vi Ngọc T đã sử dụng một phần để nấu rượu, một phần cho gia đình em dâu là Lương Thị Ng, sinh năm 1986, ở cùng thôn, còn lại 400kg gạo Vi Ngọc T bán cho một người bán hàng rong không biết tên tuổi, địa chỉ với giá là 3.200.000 đồng. Số gạo chiếm đoạt của các hộ dân thôn TT năm 2020 Vi Ngọc T đã sử dụng hết.

Hàng quý, sau khi thực hiện xong việc cấp phát gạo trợ cấp cho các hộ dân, Vi Ngọc T cho các hộ dân được nhận gạo ký vào bản danh sách nhận gạo trợ cấp. Đối với 07 hộ dân thuộc diện được hưởng trợ cấp gạo nhưng không được ông T phát gạo lần nào (quý nào) trong năm 2020 và 02 hộ dân trùng tên trong danh sách, Vi Ngọc T đã tự ký tên các hộ dân vào mục “ký nhận” trong danh sách nhận gạo trợ cấp của thôn TT. Đối với 15 hộ dân Vi Ngọc T phát thiếu hoặc không phát gạo trợ cấp trong một số quý của năm 2020 (như đã trình bày ở trên), T tự ký tên các hộ dân vào danh sách trợ cấp gạo quý đó. Bằng cách làm như vậy, Vi Ngọc T đã hoàn thiện bản Danh sách nhận gạo trợ cấp của thôn theo từng quý có đầy đủ chữ ký của người nhận gạo và nộp cho UBND xã TT.

Quá trình điều tra còn xác định, trong danh sách các hộ dân được hỗ trợ gạo do UBND huyện TX phê duyệt năm 2020 của thôn TT, xã TT có 04 hộ dân là người dân tộc Kinh không thuộc diện được Nhà nước hỗ trợ gạo, nhưng đã được cấp phát gạo trong năm 2020 với khối lượng cụ thể:

-Quý I/2020 gồm các hộ:

+ Hộ Nguyễn Văn T là 53kg

+ Hộ Lương Thị Ng là 90kg

+ Hộ Lê Hữu T được là 120kg

+ Hộ Nguyễn Văn Tr là 120kg

-Quý II/2020: cấp cho Hộ Lương Thị Ng là 90kg

-Quý III/2020: cấp cho Hộ Lương Thị Ng là 90kg

-Quý IV/2020: cấp cho Hộ Lương Thị Ng là 90kg

Tổng khối lượng gạo đã cấp cho các hộ không thuộc diện được hưởng trong năm 2020 là 653kg.

Theo lời khai của Vi Ngọc T và những người có trách nhiệm trong việc rà soát, lập danh sách những hộ dân được hưởng trợ cấp là cán bộ địa chính xã Lê Đình S và Chủ tịch UBND xã TT Cẩm Thanh X, việc đưa 04 hộ dân không thuộc diện được hưởng trợ cấp vào danh sách là do nhầm lẫn, chủ quan không rà soát cẩn thận hộ khẩu, hộ tịch mà chỉ căn cứ vào đăng ký của các hộ dân để lập danh sách đề nghị.

Ngày 19/5/2022 và 28/6/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân ban hành yêu cầu định giá tài sản số 21/YC-CSĐT; số 27/YC-CSĐT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân xác định giá trị số gạo trợ cấp đối với 04 hộ dân thôn TT, xã TT năm 2020 bị phát sai diện.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 26/5/2022 và số 24/KL-HĐĐGTS ngày 03/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Thường Xuân kết luận:

- Giá trị gạo trợ cấp của nhà nước đối với 04 hộ dân thôn TT, xã TT, huyện TX cấp sai diện, có tổng trọng lượng: 653kg (Sáu trăm năm mươi ba kilogam) là: 6.303.961 đồng (Sáu triệu ba trăm lẻ ba nghìn chín trăm sáu một đồng). Trong đó gồm có:

Giá trị gạo cấp quý I/2020 là: 3.497.499 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm chín chín đồng), bao gồm:

- + Giá trị 53kg gạo cấp cho hộ Nguyễn Văn T là: 483.988 đồng.
- + Giá trị 90kg gạo cấp cho hộ Lương Thị Ng là: 821.867 đồng.
- + Giá trị 120kg gạo cấp cho hộ Lê Hữu T là: 1.095.822 đồng.
- + Giá trị 120kg gạo cấp cho hộ Nguyễn Văn Tr là: 1.095.822 đồng.

Giá trị gạo cấp quý II/2020 là: 822.150 đồng (Tám trăm hai mươi hai nghìn, một trăm năm mươi đồng), bao gồm:

- + Giá trị 90kg gạo cấp cho hộ Lương Thị Ng là: 822.150 đồng.

Giá trị gạo cấp quý III/2020 là: 992.156 đồng (Chín trăm chín mươi hai nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng), bao gồm:

- + Giá trị 90kg gạo cấp cho hộ Lương Thị Ng là: 992.156 đồng.

Giá trị gạo cấp quý IV/2020 là: 992.156 đồng (Chín trăm chín mươi hai nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng), bao gồm:

- + Giá trị 90kg gạo cấp cho hộ Lương Thị Ng là: 992.156 đồng.

Như vậy, giá trị của 653kg gạo cấp sai đối tượng được hưởng trong năm 2020 là 6.303.961đ (Sáu triệu ba trăm lẻ ba nghìn chín trăm sáu một đồng)

Ngày 30/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thường Xuân ban hành Quyết định trưng cầu giám định số:125/CSĐT, trưng cầu Phòng PC09-Công an tỉnh Thanh Hóa giám định chữ ký, chữ viết trong các tài liệu có tên “Danh sách hộ dân tộc thiểu số tự nguyện trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng quý I, II, III, IV/2020 xã TT, huyện TX”.

Tại kết luận số 79/PC09 ngày 21/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chữ ký đứng tên Lương Ngọc T:

+ Chữ ký dạng chữ viết “T” đứng tên Lương Ngọc T ở cột “TT 12; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ viết đứng tên Lương

Ngọc T trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M6 đến M11) không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn T:

- + Chữ ký dạng chữ viết “T” đứng tên Nguyễn Văn T ở cột “TT 13; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Văn T trên mẫu so sánh (ký hiệu M12, M13, M14) không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Lương Văn Q:

- + Chữ ký đứng tên Lương Văn Q ở cột “TT 5; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lương Văn Q trên mẫu so sánh (ký hiệu M15, M16, M17) không phải do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Vi Văn Kh:

- + Chữ ký dạng chữ viết “Kh” đứng tên Vi Văn Kh ở cột “TT 25,26; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ viết đứng tên Hà Thị Hương trên mẫu so sánh (ký hiệu M18, M19, M20) không phải do cùng một người viết ra.

- + Chữ ký dạng chữ viết “Kh” đứng tên Vi Văn Kh ở cột “TT 25; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ viết đứng tên Vi Ngọc T trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Hà Văn Ấ:

- + Chữ ký đứng tên Hà Văn Ấ ở cột “TT 22, 23; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Hà Văn Ấ trên mẫu so sánh (ký hiệu M21, M22, M23) không phải do cùng một người ký ra.

- + Chữ ký đứng tên Hà Văn Ấ ở cột “T22; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vi Ngọc T trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lương Thị H:

- + Chữ ký dạng chữ viết “H” đứng tên Lương Thị H ở cột “TT 32; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ viết đứng tên Lương Thị H trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M24 đến M27) không phải do cùng một người viết ra.

- + Chữ ký dạng chữ viết “H” đứng tên Lương Thị H ở cột “TT 32; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ viết đứng tên Vi Ngọc T trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Lương Văn Ch:

- + Chữ ký đứng tên Lương Văn Ch ở cột “TT 19; Ký nhận” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3, A4) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Vi Ngọc T trên mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra xác định lời khai của bị cáo Vi Ngọc T và các hộ dân thuộc diện được hưởng trợ cấp gạo năm 2020 tại thôn TT, xã TT có mâu thuẫn liên quan đến số gạo được cấp cho các hộ dân. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Vi Ngọc T với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Hà Văn M, Lò Văn S, Lò Văn S, Cầm Bá L, Lò Quốc T, Lương Thị L, Lương Thị T, Bùi Văn Ng, Lò Văn H, Cầm Vĩnh T, Lang Thị T, Hoàng Văn N, Lang Văn H, Lương Văn Q, Hoàng Văn Ph, Lang Thị M, Lê Hữu T, Lương Văn T, Vi Thị T, Lê Thị Đ,

Vi Văn S, Lang Văn Ngh, Lang Văn Kh và đối chất giữa bà Nguyễn Thị H với bà Lò Thị V. Kết quả sau khi đối chất đã làm rõ được các mâu thuẫn trong lời khai của Vi Ngọc T, bà Nguyễn Thị H và những người dân có liên quan về số lượng gạo được cấp phát trong năm 2020 như đã trình bày ở trên.

***Về phần dân sự:**

- Đối với khối lượng gạo Vi Ngọc T đã chiếm đoạt của các hộ dân trong năm 2020, T cùng với vợ là Nguyễn Thị H đã bồi thường bằng hình thức trả tiền mặt cho các hộ dân tương đương với số gạo bị chiếm đoạt hoặc trả bằng gạo dựa trên thỏa thuận thống nhất với các hộ dân. Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 9/2021, căn cứ vào số gạo đã phát thiếu, chưa phát, Vi Ngọc T đã bồi thường đầy đủ, các hộ dân tự nguyện đồng ý và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm.

- Đối với số gạo trợ cấp của Nhà nước phát sai đối tượng cho 03 hộ người dân tộc Kinh gồm: Hộ Lương Thị Ng, Lê Hữu T, Nguyễn Văn T sau khi được Cơ quan điều tra thông báo, hộ Lương Thị Ng, Lê Hữu T đã tự nguyện nộp lại số tiền tương ứng với khối lượng gạo đã nhận trong năm 2020 là 4.724.000đ cho Cơ quan điều tra để khắc phục lại cho nhà nước; đối với hộ Nguyễn Văn T, do khối lượng gạo được cấp trong năm 2020 đã bị Vi Ngọc T chiếm đoạt, nên Vi Ngọc T đã nộp lại số tiền tương ứng với khối lượng gạo đã chiếm đoạt của hộ ông T là 484.000đ cho cơ quan điều tra.

- Đối với hộ ông Nguyễn Văn Tr nhận số gạo trợ cấp sai đối tượng, hiện nay gia đình ông Tr không có mặt tại địa phương. Ngày 21/9/2022 bị cáo Vi Ngọc T đã tự nguyện nộp số tiền 1.095.822 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thường Xuyên thay cho ông Tr.

- Đối với số gạo trợ cấp Vi Ngọc T chiếm đoạt của 02 hộ dân trùng tên trong danh sách nhưng không có trên thực tế, đến nay Vi Ngọc T đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền: 4.997.000 đồng (tương đương với số gạo đã chiếm đoạt) để khắc phục lại cho nhà nước.

***Tình tiết khác của vụ án :**

+ Đối với bà Nguyễn Thị H (vợ Vi Ngọc T) là người được Vi Ngọc T nhờ cân đong gạo trợ cấp để cấp phát cho một số hộ dân khi T bận. Qua điều tra không xác định được bà H đã tham gia cấp phát bao nhiêu lần, cho bao nhiêu người đến nhận, việc bà H phát gạo cho các hộ dân là theo yêu cầu, chỉ đạo của Vi Ngọc T. Do là giáo viên, không thường xuyên ở nhà, nên bà H không biết cụ thể T nhận gạo như thế nào, cấp phát cho các hộ dân có đúng, đủ số lượng không và cũng không được T trao đổi, bàn bạc việc chiếm đoạt gạo trợ cấp của các hộ dân trong thôn năm 2020. Vì vậy Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà H.

+ Đối với bà Lương Thị Ng là người được Vi Ngọc T cho gạo trợ cấp do T đã chiếm đoạt được năm 2020. Tuy nhiên khi được T cho gạo, bà Ng không biết số gạo T cho là do phạm tội mà có. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với bà Ng.

+ Đối với ông Cầm Thanh X là Chủ tịch UBND xã TT (từ tháng 6/2017 đến nay) được Chủ tịch UBND huyện TX giao phối hợp với Cục dự trữ Nhà nước khu vực Thanh Hoá để tiếp nhận và tổ chức cấp gạo cho các hộ dân; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND huyện TX nếu để xảy ra việc cấp sai đối

tượng, gây thất thoát gạo hoặc gây sách nhiễu, phiền hà đối với hộ được hỗ trợ (quy định tại các Quyết định về việc phê duyệt cấp gạo hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số tự nguyện trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng sản xuất trên địa bàn huyện TX các quý I, II, III, IV năm 2020). Quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Cầm Thanh X giao cho ông Lê Đình S - Cán bộ địa chính lâm nghiệp xã TT thực hiện việc tiếp nhận gạo, báo cáo và bàn giao lại cho ban quản lý các thôn để quản lý và cấp phát gạo cho các hộ dân. Bản thân ông X chưa nghiên cứu kỹ và chưa nắm vững các quy định của Nhà nước liên quan đến chính sách nêu trên dẫn đến việc không tổ chức niêm yết, thông báo công khai danh sách các hộ dân được nhận trợ cấp gạo tại trụ sở UBND xã; để Ban quản lý thôn tự tổ chức cấp phát gạo mà thiếu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của chính quyền xã; việc kiểm tra, rà soát, lập danh sách các hộ dân được nhận trợ cấp gạo thực hiện chưa kỹ dẫn đến có một số hộ dân là người dân tộc Kinh nhưng vẫn có tên trong danh sách hoặc có hộ dân bị trùng tên trong danh sách.

Đối với ông Lê Đình S là Cán bộ địa chính lâm nghiệp xã TT, huyện TX từ tháng 5/2020. Được Chủ tịch UBND xã TT giao nhiệm vụ cùng với ban quản lý thôn kiểm tra, rà soát, lập danh sách các hộ dân được nhận trợ cấp gạo năm 2020; trực tiếp kiểm tra, nhận gạo trợ cấp các quý trong năm 2020 và bàn giao lại cho ban quản lý các thôn theo danh sách để quản lý và tiến hành cấp phát gạo đến các hộ dân; báo cáo lại kết quả thực hiện cho Chủ tịch UBND xã TT về việc kết quả thực hiện việc cấp phát gạo. Do chủ quan, không nắm được các văn bản quy định liên quan đến việc cấp phát gạo theo chính sách nêu trên, sau khi bàn giao gạo trợ cấp năm 2020 cho các trưởng thôn, ông S không trực tiếp tham gia cùng với ban quản lý các thôn để cấp phát gạo. Việc kiểm tra, giám sát cũng không được ông S thực hiện sát sao mà chỉ nhắc nhở các thôn phải tiến hành phát đúng, phát đủ số lượng gạo. Quá trình thực hiện nhiệm vụ phối hợp cùng ban quản lý thôn tiến hành rà soát, lập danh sách các hộ dân thuộc diện được nhận gạo cũng chưa được tiến hành kỹ lưỡng, dẫn đến trong danh sách các hộ dân được nhận trợ cấp gạo thôn TT, xã TT năm 2020 có tên các hộ dân không thuộc diện được nhận (04 hộ người dân tộc Kinh) và có những hộ dân bị trùng tên trong danh sách (02 hộ), dẫn đến số lượng gạo của nhà nước cấp về thôn TT, xã TT không đúng thực tế. Ông Lê Đình S đã thiếu trách nhiệm, thực hiện không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao dẫn đến xảy ra việc Vi Ngọc T chiếm đoạt gạo trợ cấp của Nhà nước cho các hộ dân thôn TT, xã TT năm 2020

Hành vi của ông Cầm Thanh X và ông Lê Đình S có dấu hiệu phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự Việt Nam 2015. Tuy nhiên do thiệt hại về tài sản gây ra là 48.116.173 đồng (dưới 100.000.000đ), bản thân ông X và ông S không được nhận lợi ích gì từ việc chiếm đoạt gạo trợ cấp của Vi Ngọc T. Do đó hành vi của ông Cầm Thanh X và ông Lê Đình S không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với ông X và ông S.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT - VKSTX, ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân đã truy tố bị cáo Vi Ngọc T về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 BLHS đối với bị cáo; đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo mức án tù từ 38 đến 44 tháng tù, được trừ đi thời hạn tạm giam. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án phạt tù; Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX xem xét trách nhiệm dân sự và án phí đối với bị cáo; Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo, trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo và những người liên quan phải bồi thường số tiền 11.300.437đ(Mười một triệu ba trăm nghìn bốn trăm ba bảy đồng).

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản, kết luận giám định, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 2020, Vi Ngọc T là Bí thư chi bộ - Trưởng thôn TT, xã TT, huyện TX được Ủy ban nhân dân xã giao nhiệm vụ quản lý và cấp phát 14.697 kg gạo hỗ trợ của Nhà nước được chia làm bốn đợt theo quý trong năm cho các hộ dân tộc thiểu số tự nguyện trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng năm 2020 tại thôn TT, xã TT. Tuy nhiên, lợi dụng sự buông lỏng kiểm tra, giám sát của UBND xã TT. Vi Ngọc T đã không mời Ban quản lý thôn tham gia cấp phát gạo, không thông báo rộng rãi cho các hộ dân biết; tự ký tên các hộ dân vào danh sách nhận gạo trợ cấp và hoàn thiện danh sách cấp phát gạo từng quý nộp cho UBND xã TT để chiếm đoạt gạo trợ cấp, với từng lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Quý I năm 2020 chiếm đoạt 1.235kg, trị giá 11.277.835 đồng;
- Lần 2: Quý II năm 2020 chiếm đoạt 1.175kg, trị giá 10.733.625 đồng;
- Lần 3: Quý III năm 2020 chiếm đoạt 1.236kg, trị giá 13.625.602 đồng;
- Lần 4: Quý IV năm 2020 chiếm đoạt 1.132kg, trị giá 12.479.111 đồng.

Tổng khối lượng gạo Vi Ngọc T đã chiếm đoạt trong năm 2020 là 4.778kg, trị giá 48.116.173 đồng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vi Ngọc T đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 BLHS 2015. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Vi Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước; xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Nhà nước. Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Vi Ngọc T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi của mình; Tích cực bồi thường khắc phục hậu quả; Tham gia ủng hộ quỹ phòng chống Covid 19 tại đại phương; trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen... Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân thực hành quyền công tố tại phiên tòa áp dụng đối với bị cáo: Về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và án phí mà đại diện Viện kiểm sát đã có ý kiến đề nghị. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, đó đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát được HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt : Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 2, Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo yên tâm cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện gạt bỏ lỗi lầm trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo và những người liên quan Lương Thị Ng, Lê Hữu T, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tr phải bồi thường số tiền 11.300.437đ(Mười một triệu ba trăm nghìn bốn trăm ba bảy đồng) cho Ủy ban nhân dân huyện TX. Bị cáo và những người liên quan đã giao nộp toàn bộ số tiền này tại Cơ quan điều tra và Cơ quan thi hành án dân sự. Số tiền này hiện đang được bảo quản tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Thường Xuân để bảo đảm thi hành án.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án không đề nghị bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 BLHS 2015;

1. Tuyên: Bị cáo **Vi Ngọc T** phạm tội “Tham ô tài sản”;

2. Xử phạt: Bị cáo **Vi Ngọc T 38**(Ba tám) tháng tù, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam 02 tháng 12 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành **35**(Ba lăm) tháng **18**(Mười tám) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án phạt tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 47 của BLHS 2015 và các Điều 579, 580, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo **Vi Ngọc T** phải bồi thường số tiền 4.996.476đ(Bốn triệu chín trăm chín sáu nghìn bốn trăm bảy sáu đồng); người có nghĩa vụ liên quan **Lương Thị Ng** phải nộp số tiền 3.628.329đ(Ba triệu sáu trăm hai tám nghìn ba trăm hai chín đồng), **Lê Hữu T** phải nộp số tiền 1.095.822đ(Một triệu không trăm chín lăm nghìn tám trăm hai hai đồng), **Nguyễn Văn T** phải nộp số tiền 483.988đ(Bốn trăm tám ba nghìn chín trăm tám tám đồng), **Nguyễn Văn Tr** phải nộp số tiền 1.095.822đ(Một triệu không trăm chín lăm nghìn tám trăm hai hai đồng) cho UBND huyện TX. Tiếp tục quy trừ số tiền 11.300.437đ(Mười một triệu ba trăm nghìn bốn trăm ba bảy đồng) do bị cáo và những người có nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện giao nộp thể hiện tại Biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện Thường Xuân và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân lập ngày 25/8/2022 và biên lai thu tiền số AA/2021/0007572, ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136, Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc **Vi Ngọc T** phải nộp 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị H**, **Lương Thị Ng**; Vắng mặt đại diện nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Thị H**, **Lương Thị Ng** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(muoi lăm ngày) kể từ ngày tuyên án; Đại diện nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15(muoi lăm ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Nguyên đơn dân sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- VKSND huyện Thường Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VP Cơ quan CSĐT- CA huyện Thường Xuân;
- Cơ quan THAHS- CA huyện Thường Xuân;
- UBKT Huyện ủy Thường Xuân;
- Lưu HSVA

Lê Sỹ H